

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch chi tiêu trung hạn cho đường địa phương giai đoạn 2019 - 2021 phục vụ Hợp phần đường dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), vay vốn WB

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-TTg ngày 02/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương; Quyết định số 1698/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017 của Bộ Giao thông Vận tải về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016;

Căn cứ Công văn số 4456/BGTVT-KHĐT ngày 22/4/2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc triển khai Hợp phần 1 - Khôi phục, cải tạo đường địa phương dự án LRAMP;

Căn cứ Thư ngày 05/12/2019 của Ngân hàng Thế giới không phản đối kế hoạch chi tiêu trung hạn (MTEP) giai đoạn 2019 - 2021 của các tỉnh Bình Định và Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 269/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua kế hoạch chi tiêu trung hạn cho đường địa phương giai đoạn 2019 - 2021 phục vụ Hợp phần đường dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), vay vốn WB;

Theo đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 5194/TTr-SGTVT ngày 23/12/2019; của Sở Tài chính tại Công văn số 659/STC-ĐT ngày 20/02/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch chi tiêu trung hạn cho đường địa phương giai đoạn 2019 - 2021 phục vụ Hợp phần đường dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản

lý tài sản đường địa phương (LRAMP), vay vốn WB, với các nội dung sau:

1. Chi phí khôi phục, cải tạo đường địa phương từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới là 145.910 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương cấp phát 80% là 116.728 triệu đồng, ngân sách tỉnh vay lại 20% là 29.182 triệu đồng (có danh sách các tuyến đường thực hiện khôi phục, cải tạo như Phụ lục 1 kèm theo). Phân bổ cho các năm cụ thể như sau:

- Kế hoạch vốn năm 2019 đã được phân bổ và giải ngân cho dự án là 37.500 triệu đồng, trong đó nguồn vốn Trung ương cấp phát 80% là 30.000 triệu đồng và nguồn ngân sách tỉnh vay lại 20% là 7.500 triệu đồng để thanh toán cho các công trình thuộc kế hoạch năm thứ nhất.

- Kế hoạch vốn năm 2020 đã được phân bổ là 43.750 triệu đồng, trong đó nguồn Trung ương cấp phát 80% là 35.000 triệu đồng và nguồn ngân sách tỉnh vay lại 20% là 8.750 triệu đồng để thanh toán cho các công trình thuộc kế hoạch năm thứ nhất, năm thứ hai và chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch năm thứ ba.

- Kế hoạch vốn năm 2021 dự kiến phân bổ là 64.660 triệu đồng, trong đó nguồn Trung ương cấp phát 80% là 51.728 triệu đồng và nguồn ngân sách tỉnh vay lại 20% là 12.932 triệu đồng để thanh toán cho các công trình thuộc kế hoạch năm thứ hai, năm thứ ba.

2. Bố trí vốn từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn vật nổ, quản lý dự án, kiểm toán công trình, thẩm tra phê duyệt quyết toán, với tổng kinh phí 6.000 triệu đồng (năm 2017 - 2018 đã bố trí 8.000 triệu đồng); cụ thể như sau:

- Năm 2020 là 2.000 triệu đồng.

- Năm 2021 là 4.000 triệu đồng.

3. Bố trí vốn đối ứng của tỉnh cho công tác bảo trì đường địa phương trong 3 năm (2019 - 2021) là 179.000 triệu đồng để thực hiện bảo dưỡng thường xuyên cho 14.617 km đường và sửa chữa định kỳ các tuyến đường (chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo); cụ thể như sau:

- Năm 2019: bố trí 55.000 triệu đồng để thực hiện bảo trì đường địa phương, trong đó 31.000 triệu đồng để bảo dưỡng thường xuyên 4.171 km đường tỉnh, đường huyện, đường xã và 24.000 triệu đồng cho công tác sửa chữa định kỳ đường địa phương (đã thực hiện); bao gồm:

+ Nguồn vốn từ quỹ bảo trì đường bộ 41.000 triệu đồng, trong đó bố trí 17.000 triệu đồng để thực hiện bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh và 24.000 triệu đồng để thực hiện sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh.

+ Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế cấp huyện 14.000 triệu đồng để thực hiện bảo dưỡng thường xuyên các đường huyện, đường xã.

- Năm 2020: bố trí 60.000 triệu đồng để thực hiện bảo trì đường địa phương, trong đó 34.000 triệu đồng để bảo dưỡng thường xuyên 4.880 km đường tỉnh, đường huyện, đường xã và 26.000 triệu đồng cho công tác sửa chữa

định kỳ đường địa phương; bao gồm:

+ Nguồn vốn từ quỹ bảo trì đường bộ 44.000 triệu đồng, trong đó bố trí 18.000 triệu đồng để thực hiện bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh và 26.000 triệu đồng để thực hiện sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh.

+ Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế cấp huyện 16.000 triệu đồng để thực hiện bảo dưỡng thường xuyên các đường huyện, đường xã.

- Năm 2021: bố trí 64.000 triệu đồng để thực hiện bảo trì đường địa phương, trong đó 36.000 triệu đồng để bảo dưỡng thường xuyên 5.566 km đường tỉnh, đường huyện, đường xã và 28.000 triệu đồng cho công tác sửa chữa định kỳ đường địa phương; bao gồm:

+ Nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh (trước đây cấp có Quỹ bảo trì đường bộ) là 46.100 triệu đồng, trong đó bố trí 18.100 triệu đồng để thực hiện bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh và 28.000 triệu đồng để thực hiện sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh.

+ Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế cấp huyện 17.900 triệu đồng để thực hiện bảo dưỡng thường xuyên các đường huyện, đường xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giao thông Vận tải (chủ đầu tư) chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn đối ứng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh theo tiến độ từng năm để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn vật nổ, quản lý dự án, kiểm toán công trình, thẩm tra phê duyệt quyết toán.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm để làm vốn đối ứng thực hiện bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh, đường huyện thuộc trách nhiệm đầu tư từ ngân sách tỉnh.

4. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố, chủ động bố trí nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm của huyện, làm vốn đối ứng thực hiện bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường huyện, đường xã thuộc trách nhiệm đầu tư từ ngân sách huyện.

5. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, có trách nhiệm giải quyết các công việc liên quan đến ngành mình; đồng thời, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư triển khai thực hiện Kế hoạch chi tiêu trung hạn cho đường địa phương giai đoạn 2019 - 2021 phục vụ Hợp phần đường dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (để b/c);
- Bộ Giao thông Vận tải (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.
(24320.2020)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Xứng

Phụ lục 1**DANH SÁCH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỰC HIỆN KHÔI PHỤC, CẢI TẠO***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Số TT	Ký hiệu	Tên đường	Loại đường	Cấp đường	KC mặt đường	Chiều dài (km)	Sơ bộ vốn ODA (tỷ đồng)	Sơ bộ TMDT (tỷ đồng)	
I	Kế hoạch năm thứ nhất (đã hoàn thành)						64,76	129,90	138,45
1	212TH00023	Kim Tân - Thạch Định - Thạch Quảng	Đường tỉnh	5	Láng nhựa	19,86	37,50	40,10	
2	212TH00029	Kiêu - Ân Đỗ	Đường tỉnh	5	Láng nhựa	10,00	23,00	25,45	
3	214TT00012	Xóm Sắn - Xóm Đám	Đường xã	A	Láng nhựa	2,50	4,30	4,67	
4	213HT00006	Hà Lai - Hà Thái	Đường huyện	6	Láng nhựa	1,64	4,60	5,00	
5	213TS00008	Đường từ Tỉnh lộ 506 đi Xuân Thịnh	Đường huyện	6	Láng nhựa	4,00	8,20	8,99	
6	213CT00002	Quốc lộ 217 - Phông Khánh	Đường huyện	6	Láng nhựa	9,26	13,30	14,65	
7	213HH00008	Đường huyện HH.11 (Hoàng Quỳ - Hoàng Giang)	Đường huyện	6	Láng nhựa	6,50	13,00	14,86	
8	212TH00027	Định Tiến - Yên Hùng	Đường tỉnh	6	Láng nhựa	11,00	22,00	24,73	
II	Kế hoạch năm thứ hai (đang thực hiện)						19,55	49,19	51,11
4	213QX00013	Quảng Ninh - Quảng Nhân - Quảng Hải	Đường huyện	6,A	Láng nhựa	6,13	18,21	18,90	
1	213NC00001	Đường huyện NC.01 (Minh Nghĩa - Hoàng Giang)	Đường huyện	6	Láng nhựa	6,25	13,86	14,38	
2	213TS00009	Hợp Tiến - Bồng Xa	Đường huyện	6,A	Láng nhựa	3,17	7,68	8,01	
3	213TX00013	Xuân Minh - Xuân Lập	Đường huyện	6	Láng nhựa	4,00	9,44	9,82	
III	Kế hoạch thực hiện năm thứ ba						22,20	49,91	53,90
1	212TH00047	Quán Lào - Sét - Dốc Lê (ĐT 528)	Đường tỉnh	6	Láng nhựa	5,60	17,60	19,00	
2	213TS00014	Phọ Phú - Thọ Tân	Đường huyện	6	Láng nhựa	5,30	9,80	10,60	
3	214BT00009	Xã Thiết Ống. Đường Đồng Tâm 3 - Cỏi	Đường xã	A	Láng nhựa	3,00	5,51	6,00	
4	213VL00012	QL217 - Thôn Tân Phúc, xã Vĩnh Phúc	Đường huyện	6	Láng nhựa	3,40	7,90	8,50	
5	213NS00011	Núi Sên - Đình Xuân Đài	Đường huyện	6	Láng nhựa	4,90	9,10	9,80	

Phụ lục 2**KẾ HOẠCH CHI TIÊU CHO TỐC TÁC BẢO TRÌ ĐỊA PHƯƠNG DỰ ÁN LRAMP GIAI ĐOẠN 2019 - 2021***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Tổng số			Ghi chú
			BDTX	SCĐK	Tổng	BDTX	SCĐK	Tổng	BDTX	SCĐK	Tổng	BDTX	SCĐK	Tổng	
A	Km đường bảo dưỡng thường xuyên	Km	4.171		4.171	4.880		4.880	5.566		5.566	14.617		14.617	
B	Bố trí vốn dành cho bảo trì	Tỷ đồng	31	24	55	34	26	60	36	28	64	101	78	179	
1	Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh	Tỷ đồng	17	24	41	18	26	44	18,1	28	46,1	53,1	78	131,1	Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đường tỉnh
2	Nguồn sự nghiệp kinh tế cấp huyện	Tỷ đồng	14		14	16		16	17,9		17,9	47,9		47,9	Thực hiện bảo dưỡng các tuyến đường huyện, đường xã